

ĐỀ GIỮ “CÁI RIÊNG” CỦA VĂN HÓA HMÔNG: Ý KIẾN CỦA NGƯỜI “TRONG CUỘC”

NGUYỄN VĂN THẮNG

Có thể nói, trong số các văn hóa tộc người ở Việt Nam, văn hóa Hmông còn giữ và thể hiện được cái riêng một cách rõ nét. Nhưng cái riêng của văn hóa Hmông cũng đang biến đổi theo hướng ngày càng trở nên khó nhận diện, nhất là đối với người khác tộc hay “người ngoài”. Sự biến đổi này là tất yếu bởi điều kiện kinh tế - xã hội - cơ sở tồn tại của cái riêng văn hóa Hmông - không phải là tĩnh.

Sự biến đổi theo hướng “nhạt” dần cái riêng của văn hóa Hmông từ lâu đã khiến người Hmông lo lắng, trăn trở. Họ là những người hiểu rõ nhất những yếu tố có giá trị đích thực tạo nên cái riêng văn hóa của mình và cách giữ gìn những yếu tố này. Nhưng những hiểu biết của họ lại chưa được “người ngoài”, nhất là các nhà nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách, quan tâm và tạo điều kiện một cách đúng mức. Vì vậy, những giải pháp bảo tồn cái riêng cho văn hóa Hmông mà “người ngoài” đề ra thường chưa thật sự phù hợp với thực tế. Điều đáng lưu ý là, tình trạng này không chỉ diễn ra với việc bảo tồn cái riêng của văn hóa Hmông.

Vậy theo người Hmông, cái riêng của văn hóa Hmông là gì? Những yếu tố nào thật sự có giá trị tạo nên cái riêng của văn hóa Hmông? Cách giữ gìn cái riêng của văn hóa

Hmông cụ thể là như thế nào? Để giải đáp những câu hỏi này, dưới đây là những trình bày và phân tích kết quả tổng hợp của các nghiên cứu điểm ở tất cả các nhóm Hmông của Việt Nam. Thông qua việc giới thiệu ý kiến của người Hmông về cách giữ gìn cái riêng văn hóa của họ, bài viết muốn gọi lên đôi điều suy nghĩ về quan niệm bản sắc tộc người và cách bảo tồn trong môi trường biến đổi của nó.

1. “Cái riêng” của văn hóa Hmông

Theo người Hmông, yếu tố quan trọng nhất gắn kết người Hmông lại với nhau thành một cộng đồng chính là *mối quan hệ nguồn gốc*. Cụ thể, đó là nguồn gốc chung mà họ cùng chia sẻ với người Hmông/Miêu¹ ở Nam Trung Quốc trước khi di cư tới Việt Nam. Với các phiên bản khác nhau của truyền thuyết “Nạn lụt”², đồng bào chỉ ra

¹ Miêu là một trong số 56 tộc người của Trung Quốc. Tộc người Miêu có 3 phân nhóm chính là Hmông, Hmu và Xioob hay Krohsiong (Cheung, 1995; Diamond, 1995).

² Ngày xưa ngày xưa, sau trận đại lụt, tất cả các động thực vật, kể cả loài người, đều chết hết, trừ hai anh em nhà nọ nhờ trú trong một chiếc trống gỗ. Đê duy trì nổi giống, người anh đã nài ni người em làm vợ mình. Người em một mực không nghe. Nhưng trước sự nài ni bền bỉ của người anh, người em bèn nói: tối nay, hai anh em mình mỗi người bê một hòn đá lên đỉnh núi và vắn cho nó tự lăn xuống núi. Nếu sáng hôm sau, hai hòn nằm cạnh nhau dưới chân núi thì em sẽ đồng ý làm vợ anh. Tối đến, sau khi vắn cho đá tự

rằng, chính người Hmông đã sinh ra từ cùng một cục thịt. Tuy chỉ là truyền thuyết, nhưng cho đến nay, qua truyền miệng, hầu như người Hmông nào tới tuổi trưởng thành cũng đều biết và có ý thức rất rõ ràng về mối quan hệ gắn bó nguồn gốc chung này. Đặc biệt, họ vẫn giữ tín ngưỡng là khi chết, ma (linh hồn) của người chết phải được “chỉ đường” (*qhuab kev* hay *qhab kev*) trở về với thế giới ma tổ tiên của họ ở bên Trung Quốc để được tái sinh. Vì vậy, tuy đã di cư sang Việt Nam nhiều đời, người Hmông vẫn coi người Hmông/Miêu ở Nam Trung Quốc cũng như từ Nam Trung Quốc đã di cư đi các nước khác trên thế giới đều là anh em cùng một cội.

Ngoài chia sẻ nguồn gốc chung với người Hmông/Miêu ở Nam Trung Quốc, người Hmông ở Việt Nam còn khẳng định có tổ tiên cụ thể hơn là những người Hmông đã di cư đầu tiên từ Nam Trung Quốc tới Việt Nam cách đây khoảng trên 300 năm³.

lăn xuống núi, người anh bèn thức đợi cho người em ngủ say rồi bí mật xuống chân núi tìm hai hòn đá và đặt chúng nằm cạnh nhau. Kết cục, người em phải lấy người anh làm chồng. Chung sống với nhau được hai năm, người vợ mang thai và sinh ra một cục thịt tròn không chân, không tay. Hai vợ chồng thấy lạ bèn tìm đường lên hỏi ông Trời tại sao lại như vậy. Trời bảo: hãy về cắt cục thịt ra thành từng miếng nhỏ và vớt ra quanh nhà. Hai vợ chồng bèn về làm theo và sáng hôm sau khi thức dậy, họ thấy những đôi trai gái tới chào và tự nhận là con. Những đôi trai gái này đã sinh ra từ chính những miếng thịt vớt quanh nhà. Đôi sinh ra từ miếng thịt vớt ở gốc đào nhận là họ Thào (đào), ở gốc mận: họ Lý (mận), ở chuồng dê: họ Giàng, ở chuồng ngựa: họ Má (mã)... Hai vợ chồng bèn lên tâu lại với Trời về cảnh tượng này và xin Trời cho biết nên làm gì tiếp theo. Trời khuyên họ nên tổ chức đám cưới cho từng cặp nhưng phải nhớ dặn là con cháu của họ sau này không bao giờ được lấy nhau mà phải lấy con cháu của những cặp (tức các họ) khác. Nếu vi phạm, con cái họ sinh ra sẽ chỉ là những cục thịt chết.

³ Do bị áp bức, bóc lột tàn bạo và bị đàn áp đẫm máu sau các cuộc khởi nghĩa, nhất là cuộc đại khởi nghĩa

Điều đáng lưu ý là, theo đồng bào, lịch sử di cư của tổ tiên họ sang Việt Nam là lịch sử đau thương: bị áp bức bóc lột, bị tàn sát, phải rời bỏ quê hương, bị truy đuổi, đói khát và mất chữ. Chính *sự chia sẻ nguồn gốc cùng số phận lịch sử chung* này là yếu tố quan trọng nhất đã cố kết người Hmông ở Việt Nam lại với nhau thành một tộc người riêng trong sự phân biệt với người Hmông/Miêu ở Nam Trung Quốc cũng như với những người thuộc các tộc khác.

Cũng theo người Hmông, trong nội cộng đồng Hmông, người Hmông còn gắn kết với nhau bởi mối quan hệ nguồn gốc theo dòng họ (*xeem*) với các đơn vị bên trong là ngành họ và chi họ. Đồng bào cho rằng, người Hmông vốn chỉ có 12 họ gốc⁴: Tráng, Hạng, Hờ, Lý, Mùa, Thào, Vương, Vừ, Sòng, Giàng, Lầu và Vàng. Tất cả các thành viên thuộc cùng một họ đều sinh ra từ miếng thịt cắt ra từ cùng một cục thịt (xem chú thích 2). Vì sinh ra từ một “*ông tổ chung*”, dẫu là *ông tổ huyền thoại*, nên các thành viên thuộc cùng một họ đều mang cùng tên họ, thực hiện nguyên tắc *ngoại hôn dòng họ tuyệt đối*, tức bắt chấp khoảng cách

Thái Bình Thiên Quốc (1860 - 1872), để chống lại chính sách thực dân hóa bằng quân sự, trong đó có chính sách “*gai tu gui liu*” (thay thế chế độ thổ quan bằng chế độ lưu quan hay thay thế các quan lại người thiểu số bằng các quan lại người Mãn và người Hán) của nhà Thanh (1644 - 1912), nhiều người Hmông đã phải bỏ chạy về phương Nam. Trong số họ, đã có một bộ phận tới Việt Nam. Điều đáng lưu ý là, ngoài người Hmông, di cư sang Việt Nam còn có cả một bộ phận người Hmu hiện có tên gọi là Na Miêu (người Mèo) cư trú tập trung ở hai xã Cao Minh và Khánh Long thuộc huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn (Tapp, 2005; Thắng, 2007).

⁴ Theo một số nhà nghiên cứu, người Hmông vốn không có hệ thống họ và tên họ. Hệ thống họ và tên họ hiện có của họ là do tiếp thu của người Hán (xem Tapp, 1989).

về thể hệ và địa lý, tất cả những người cùng họ không bao giờ được kết hôn với nhau, thực hiện các nghi lễ “làm cúng” (*ua neeb*), làm ma (*ua dab*) giống nhau và có trách nhiệm giúp đỡ nhau cả về vật chất lẫn tinh thần.

Mặc dù các thành viên cùng một ngành họ cũng không biết được chính xác ông tổ chung của ngành mình cụ thể là ai, song họ vẫn tin là đã sinh ra từ một *ông tổ có thật* hay *tưởng tượng*. Vì chia sẻ nguồn gốc chung nên họ thực hiện một số nghi thức làm cúng, làm ma giống nhau, khác với của các ngành họ khác. Cụ thể, trong lễ cúng ma cửa (*dabroog*), các gia đình thuộc các ngành họ khác nhau thường có số lượng bát cúng không giống nhau là 5, 7 hay 9. Trong lễ cúng ma bò (*nyujdab*) cũng vậy, tùy từng ngành họ, số lượng bát cúng thịt bò là 10, 13 hay 33. Trong tang ma, các ngành họ cũng có những cách thức đặt thi thể người chết và kiểu mộ khác nhau: trong cáng treo trên tường hay đặt dưới đất, để trong nhà hay ngoài nhà và kiểu mộ có rào xung quanh hay xếp đá ở trên v.v...

Khác với họ và ngành họ, các thành viên trong cùng một chi họ đều biết và nhớ rất rõ *ông tổ có thực* của mình cụ thể là ai tính theo dòng nam từ người cha ngược lên ít nhất tới 3 đời. Theo người Hmông, mối quan hệ nguồn gốc càng gần thì mối quan hệ giữa các thành viên càng thân thiết, gắn bó và sự giúp đỡ lẫn nhau về vật chất và tinh thần càng lớn. Cụ thể, dù đều cùng một tộc, song mối quan hệ thành viên giữa những người trong cùng một chi họ gần gũi, thân thiết hơn trong cùng ngành họ và dòng họ.

Theo người Hmông, để nhận ra nhau là người có cùng nguồn gốc hay cùng tộc, đồng

bào thường căn cứ vào cái riêng hay cái khác biệt. Cái riêng này của người Hmông được làm thành từ các yếu tố chính là *tiếng nói, mối quan hệ dòng họ và cách làm cúng, làm ma*. Đồng bào khẳng định nếu mất những yếu tố này, người Hmông khó có thể nhận ra nhau cũng như phân biệt được họ với những người khác tộc. Vậy, cái riêng của văn hóa Hmông chỉ là những dấu hiệu hay chỉ số chứng tỏ mối quan hệ nguồn gốc chung của người Hmông với nhau. “Cái riêng” này tương đương với “*bản sắc văn hóa*” trong tiếng phổ thông mà trong tiếng Hmông vốn không có.

2. Vai trò của các yếu tố cấu thành “cái riêng”

2.1. Tiếng Hmông

Tiếng Hmông không chỉ là phương tiện giao tiếp của người Hmông mà còn là dấu hiệu để nhận diện mối quan hệ thành viên và công cụ để lưu truyền hay tái sản xuất văn hóa. Vì vậy, cho tới nay, tiếng Hmông vẫn là ngôn ngữ đầu đời và phương tiện giao tiếp chính của người Hmông. Do tiếng Hmông không có hệ thống chữ viết và người Hmông không phải là các nhà ngôn ngữ học nên đồng bào chỉ có thể chỉ ra được rằng tiếng nói của họ khác hẳn với tiếng nói của các tộc người khác ở hệ thống các từ và cách nói: nhanh, nhiều âm tắc, âm gió và ngữ điệu. Chính sự khác biệt này là một trong những yếu tố giúp người Hmông nhận diện mối quan hệ thành viên với nhau trong sự phân biệt với những người khác tộc. Và lại, tiếng Hmông còn là phương tiện để người Hmông lưu truyền hay tái sản xuất ra văn hóa như các truyền thuyết, chuyện kể về nguồn gốc và lịch sử, phong tục tập quán...

của họ qua các thế hệ. Vì vậy, theo đồng bào, mất tiếng Hmông sẽ dẫn tới nguy cơ mất những yếu tố còn lại cấu thành “cái riêng” của văn hóa Hmông, nhất là khi tiếng Hmông không có hệ thống chữ viết riêng.

2.2. *Mối quan hệ dòng họ*

Mối quan hệ dòng họ của người Hmông đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc cố kết người Hmông lại với nhau thành cộng đồng ở những cấp độ khác nhau, tái sản xuất mối quan hệ nguồn gốc và văn hóa qua các thế hệ và phân biệt tộc người. Như đã đề cập ở trên, người Hmông có 12 dòng họ gốc với các đơn vị bên trong là các ngành họ và chi họ. Các họ này khác nhau về tên họ và một số nghi thức trong cách làm cúng, làm ma (xem phần 2.3). Cụ thể, theo người Hmông, những người thuộc cùng một họ đều là di duệ của một ông tổ chung, mang một tên họ chung, thực hiện nguyên tắc ngoại hôn dòng họ tuyệt đối và có trách nhiệm quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất lẫn tinh thần. Sự giúp đỡ lẫn nhau được thực hiện theo nguyên tắc mối quan hệ họ hàng càng gần, trách nhiệm giúp đỡ nhau càng lớn, càng quan trọng bất chấp khoảng cách về thế hệ và địa lý. Theo nguyên tắc này, sự quan tâm giúp đỡ của những người trong cùng chi họ lớn và quan trọng hơn của những người trong cùng ngành họ và họ. Tương tự, sự quan tâm giúp đỡ của những người thuộc bên nội tức theo trục hệ lớn và quan trọng hơn bên ngoại hay theo bàng hệ. Chính vì sự quan tâm giúp đỡ của những người trong cùng họ, nhất là cùng chi họ rất quan trọng nên khi có những sự kiện lớn như làm nhà mới, cưới xin, ma chay..., các gia đình đều trông đợi vào sự giúp đỡ này. Đặc

biệt, khi đi xa, ngay cả khi ra nước ngoài, người Hmông thường cố gắng tìm sự giúp đỡ của những người cùng họ càng gần càng tốt.

Cho tới nay, mối quan hệ dòng họ của người Hmông, về cơ bản, vẫn bền chặt vì nó được tái sản xuất qua các thế hệ nhờ sự vận hành của nguyên tắc ngoại hôn dòng họ tuyệt đối, việc thực hiện các nghi lễ làm cúng, làm ma và trách nhiệm quan tâm giúp đỡ nhau về vật chất và tinh thần. Cụ thể, khi kết hôn, khi làm cúng, làm ma và khi tính toán mức độ phải quan tâm giúp đỡ nhau về vật chất và tinh thần, ý thức của người Hmông về mối quan hệ dòng họ lập tức được thức tỉnh. Lý do là họ phải xác định những ai là những người mới được kết hôn, những ai là ma tổ tiên chung của gia đình, chi họ, ngành họ và dòng họ để cúng và mức độ mối quan hệ dòng họ với người cần phải quan tâm giúp đỡ. Hơn nữa, đây cũng là dịp để họ nhắc nhở con cháu trong gia đình và dòng họ ý thức về mức độ mối quan hệ họ hàng cùng trách nhiệm quan tâm và giúp đỡ đối với từng trường hợp.

Dòng họ của người Hmông còn có giá trị nhận diện và phân biệt mối quan hệ thành viên. Sự nhận diện và phân biệt này dựa vào tên họ, nguyên tắc ngoại hôn dòng họ tuyệt đối và một số nghi thức trong làm cúng, làm ma. Cụ thể, đa số tên các họ gốc của người Hmông đều khác với những người khác tộc; với ngoại hôn dòng họ tuyệt đối, khi cần phải xác định những ai được và không được kết hôn, ý thức về người cùng và khác tộc, họ nổi lên; đa số các nghi thức làm cúng, làm ma liên quan tới dòng họ của người

Hmông đều khác với của những người khác tộc (xem phần 2.3).

2.3. Cách làm cúng, làm ma

Cách làm cúng, làm ma của người Hmông không những thể hiện những đặc trưng văn hóa - xã hội riêng mà còn là phương tiện tái sản xuất ra môi quan hệ nguồn gốc và văn hóa của người Hmông. Cụ thể, cách làm cúng của người Hmông thể hiện sự khác biệt ở bàn thờ ma nhà, thời gian cúng và đồ cúng ma nhà. Cách làm ma của người Hmông thể hiện sự khác biệt ở cách đặt thi thể người chết, hình thức mộ táng, lễ cúng ma bỏ và đặc biệt là hát chỉ đường cho ma người chết trở về với thế giới tổ tiên để được tái sinh (xem Nguyễn Văn Thắng, 2009). Trừ các trường hợp chết bất đắc kỳ tử, đám tang nào cũng phải có người hát chỉ đường bởi nếu không, linh hồn người chết sẽ không biết đường trở về với thế giới tổ tiên và như vậy sẽ không được tái sinh.

Qhuab kev (chỉ đường) thường được hát sau khi thi thể người chết đã được rửa ráy, mặc trang phục mới theo truyền thống, đặt nằm trên cáng treo trên tường hay đặt dưới nền nhà theo phong tục của từng ngành họ. Người hát *qhuab ke* do trưởng đám tang lựa chọn. Ông thường ngồi ở cuối cáng cùng với cặp que bói (*ts'eng ndoou*). Đến những đoạn nhất định, ông dừng hát, cúng dâng đồ ăn và những thứ cần thiết cho ma người chết mang theo trên hành trình về với tổ tiên. Để kiểm tra xem ma người chết đã nhận những đồ dâng cúng hay chưa, ông vãi que bói. Nếu trong ba lần vãi liên tiếp mà 2 que bói lần lượt cùng ngửa (dương-dương), cùng sấp (âm-âm) và một ngửa một sấp (dương âm kết hợp) là ma người chết đã nhận được đồ cúng.

Qhuab kev hay *qha ke* có những phiên bản với độ dài ngắn khác nhau: 36, 42... đoạn⁵. Với *Qhuab kev*, người hát kể cho ma người chết về nguồn gốc của thế giới, loài người và cái chết, chỉ chỗ chôn nhau thai khi sinh của người chết để ma người chết tới lấy mang theo trở về với tổ tiên, báo cho ma người chết biết con vật nào sẽ dẫn đường, cách nhận biết đường đi, các phương tiện cần dùng để vượt qua núi cao sông rộng, các “mật khẩu” để vượt qua các trạm gác có lính canh, hồ dữ bảo vệ và cách nhận ra ma tổ tiên của mình. Sau khi về được với thế giới tổ tiên, ma người chết sẽ được tái sinh. Cụ thể, sẽ được đầu thai vào một đứa trẻ nếu là người tốt, ngược lại, sẽ phải đầu thai vào một con vật.

Hát *Qhuab kev* phải có khèn (*qeej*) trống. “Nàng khèn” (*Nkauj Qeej*) luôn cặp cùng chàng trống (*Nraug Nruas*), người chơi khèn (*Txivqeej*: thầy khèn) luôn cặp cùng người đánh trống (*Txivnruas*: thầy trống). Trong tang ma, người Hmông xem khèn như một phương tiện giao tiếp với người chết và thế giới ma. Trong lễ tang có những bài khèn⁶ nhất định với các phiên bản khác nhau tùy theo từng nhóm Hmông, nhưng thường gồm những bài về sự kết thúc cuộc sống (*zajqeej tusiav*), nâng cáng (*zajqeej tsa ness*), cúng lợn cho cáng (*zajqeej cobtsiaj tsa nees*), cúng cơm cho cáng (*cov zajqeej cob tshais, su, thiab hmo*), cúng giấy tiền (*cov zajqeej cob ntawv*), cúng bò (*cov zajqeej cob tsiaj*) và bài tiễn người chết ra mộ (*zajqeej tawm nras/sawvkev*).

⁵ Bài tang ca này đã được một số tác giả dịch ra tiếng Việt, Pháp và Anh (xem Ruy Yih-Fu, 1943; Lemoine, 1983; Giàng Seo Gà, 2005; Tapp, 2008).

⁶ Mỗi bài khèn là một bài tang ca mà một số tác giả nước ngoài đã dịch ra tiếng Hmông (xem Falk, 2004).

Theo phong tục, khi bố, mẹ qua đời, mỗi con trai đã lập gia đình phải cúng cho ma bố, mẹ một con bò và mỗi con gái xuất giá phải cúng cho ma bố, mẹ một con lợn. Trong trường hợp, khi làm ma tươi (làm ma ngay sau khi chết), chưa có sẵn bò, những người này có thể “nợ” để cúng vào dịp sau đó gọi là làm ma khô hay lễ cúng ma bò (*nyujdab*). Khi nào cần phải cúng bò tùy thuộc vào khi nào ma bố, mẹ “đòi”. Dấu hiệu thường là người “nợ” bò, bị ốm thập tử nhất sinh và theo thầy cúng (*txiv neeb*), người đó phải trả “nợ” bò cho ma bố hoặc ma mẹ. Lễ cúng ma bò là một phiên bản của lễ làm ma tươi. Chỉ khác bò dâng cúng cho ma bố hoặc ma mẹ được buộc nối bằng sợi dây lanh tới tay một hình nộm thay vì tới tay thi thể của bố hoặc mẹ.

Khi làm cúng, làm ma, người Hmông phải cúng ma tổ tiên và phải cúng chỉ đường cho ma người chết trở về với thế giới ma tổ tiên. Hơn nữa, để tính toán mức độ giúp đỡ về vật chất và tinh thần cho gia chủ, tất cả anh em họ hàng với gia chủ đều phải nhớ lại mức độ mối quan hệ thân tộc của mình. Vì vậy, ý thức của người Hmông về nguồn gốc, mối quan hệ nguồn gốc và lịch sử được thức tỉnh. Cũng nhân những dịp này, họ dạy và nhắc nhở con cháu và bản thân con cháu thông qua việc tham dự và chứng kiến các nghi lễ cũng học và biết được cách làm cúng, làm ma, nguồn gốc, mối quan hệ nguồn gốc và lịch sử của mình. Nhờ đó, sự hiểu biết và ý thức về mối quan hệ nguồn gốc, lịch sử và văn hóa của người Hmông được tái sản xuất qua các thế hệ.

3. Để giữ “cái riêng” của văn hóa Hmông

Theo người Hmông, dưới tác động ngày càng tăng của kinh tế thị trường, quá

trình khu vực hóa và toàn cầu hóa, “cái riêng” của văn hóa Hmông đã và đang biến đổi theo xu hướng “nhạt” dần. Để giữ được “cái riêng” này, cần phải biết rõ các yếu tố đích thực có giá trị lưu giữ và tái sản xuất ra nó cũng như phát huy được vai trò của những yếu tố này.

Trước hết và quan trọng hơn cả là yếu tố con người. Theo người Hmông, cái riêng của văn hóa Hmông không tự truyền lại cho các thế hệ người Hmông như kiểu di truyền sinh học mà phải thông qua *quá trình dạy và học*. Người dạy chủ yếu là các cụ, các bà, các mẹ và các chủ gia đình người Hmông (thường là người chồng hoặc người đàn ông cao tuổi nhất trong gia đình) và người học là những con cháu của họ. Trong cộng đồng Hmông, các cụ, các bà, các mẹ và các chủ gia đình là những người am hiểu nhất về nguồn gốc, lịch sử và văn hóa của người Hmông. Họ là những người đóng vai trò chính trong việc trao truyền sự hiểu biết của mình cho con cháu qua các thế hệ. Cụ thể, các cụ, các bà và các mẹ là những người dạy cho con cháu ngôn ngữ đầu đời là tiếng Hmông, kể cho con cháu nghe các huyền thoại, truyền thuyết... về nguồn gốc và lịch sử chung của người Hmông, dạy bảo con cháu về đạo đức, lối sống, phong tục tập quán, lễ nghi... của người Hmông. Ngoài việc nuôi dạy con cháu theo chuẩn mực văn hóa Hmông, các chủ gia đình người Hmông còn giữ vai trò làm cúng, làm ma. Vì vậy, họ phải dạy cho con cháu trong gia đình biết tổ tiên phải thờ cúng tính theo dòng nam cụ thể là những ai cách làm cúng, làm ma... Sự truyền dạy này được thực tế hóa qua việc tiến hành các nghi lễ của họ. Ví dụ, thông qua các nghi lễ cúng ma nhà, chủ gia đình dạy cho những người tham dự là các thành

viên trong gia đình, chi họ và ngành họ về các loại ma nhà và cách thờ cúng riêng của chi họ và ngành họ mình. Tương tự, thông qua việc thực hiện nghi lễ tang ma, các chủ gia đình truyền dạy cho con cháu thuộc các thế hệ khác nhau về *ghuab ke*, các bài khèn, trống, cách tổ chức tang ma... Nhờ đó, sự hiểu biết và ý thức về nguồn gốc, lịch sử và văn hóa chung của người Hmông được hình thành, phát triển và bảo lưu qua các thế hệ.

Tuy trong số những yếu tố cấu thành cái riêng của văn hóa Hmông, có những yếu tố đã được trao ngay từ khi sinh là nguồn gốc (sinh ra là người Hmông) và tên họ (sinh ra là mang tên họ Hmông) nhưng để trở thành một thành viên của cộng đồng Hmông, đứa trẻ phải trải qua quá trình học tiếng Hmông, lịch sử và văn hóa Hmông... Học từ bố mẹ, ông bà, người thân, anh em họ hàng... Học do được dạy (xem phần trên) và do tự quan sát, nghe, bắt chước... Sau đó, nhập tâm, ghi nhớ, thể hiện và thực hành dần để trở thành một thành viên của người Hmông như cộng đồng Hmông mong đợi.

Vì vậy, theo người Hmông, để bảo tồn “cái riêng” của văn hóa Hmông qua các thế hệ, trước hết, cần phải nâng cao vai trò và ý thức của cả người dạy và người học. Cụ thể, cần tuyên truyền, vận động và khuyến khích để bản thân những người này không những hiểu rõ mà còn nâng cao vai trò và trách nhiệm của mình trong việc truyền dạy/học văn hóa Hmông bằng các hình thức khác nhau. Ví dụ như tuyên dương khen thưởng (cả bằng vật chất) các cụ, các bà và các mẹ hát ru và kể chuyện hay về nguồn gốc, lịch sử và văn hóa Hmông cũng như nuôi dạy con cháu tốt, mở các lớp học bồi dưỡng các hạt nhân văn hóa người Hmông...

Bên cạnh yếu tố con người là các yếu tố đóng vai trò tái sản xuất hay lưu truyền “cái riêng” của văn hóa Hmông. Những yếu tố này gồm tiếng nói, quan hệ dòng họ và cách làm cúng, làm ma. Như đã trình bày ở trên, tiếng Hmông là công cụ để lưu truyền văn hóa Hmông. Song, tiếng Hmông đang ngày càng mai một. Biểu hiện là phạm vi sử dụng nó đang ngày càng bị thu hẹp: chủ yếu trong phạm vi gia đình và làng bản, việc vay mượn từ tiếng phổ thông ngày càng nhiều và số thanh thiếu niên Hmông nói tiếng phổ thông thay vì tiếng mẹ đẻ đang có xu hướng ngày càng tăng. Trong khi đó, tiếng Hmông lại không có hệ thống chữ viết riêng. Vì vậy, không có phương tiện để ghi chép và trao truyền dưới dạng văn bản lịch sử nguồn gốc, lịch sử di cư và văn hóa Hmông qua các thế hệ. Để giữ tiếng nói của mình, người Hmông cần có một hệ thống chữ viết riêng và trẻ em Hmông cần được dạy song ngữ Việt - Hmông ở cấp phổ thông. Theo người Hmông, mặc dù từ những năm 1960, Nhà nước đã biên soạn và dạy chữ Hmông cho họ. Song, hệ thống chữ viết này quá phức tạp và không bao quát được hết tính đa dạng của các phương ngữ Hmông nên rất ít người học và sử dụng. Vì vậy, thay vì loại chữ viết này, đồng bào mong muốn được học chữ Hmông La tinh⁷ (CHLT). Họ biết tới loại

⁷ Hệ thống chữ Hmông La tinh do một người Hmông ở Luang Prabang (Lào) sáng tạo ra vào năm 1953. Sau đó, hệ thống chữ viết này đã được giáo sĩ Yves Bertrais, cố đạo - nhà nhân học Linwood Barney và nhà nhân học ngôn ngữ William A. Smalley La tinh hóa thành hệ thống chữ viết riêng cho người Hmông, gọi là hệ thống chữ viết RPA (Romanized Popular Alphabet). RPA hết sức đơn giản và dễ học nên đã được người Hmông ở nhiều nước trên thế giới học và sử dụng để trao đổi thư từ, ghi chép lại lịch sử và văn hóa Hmông, làm phim ảnh về người Hmông, lịch sử và văn hóa Hmông...

chữ viết này thông qua bà con họ hàng ở Lào, qua việc xem các băng đĩa phim nói về nguồn gốc, lịch sử và văn hóa Hmông có hiện CHLT do người Hmông ở nước ngoài sản xuất, phát hành và qua những người truyền đạo Kitô. Theo những người Hmông đã học và biết sử dụng, CHLT rất dễ học, dễ sử dụng và mang tính quốc tế. Vì vậy, nên có sự xem xét để tạo điều kiện cho người Hmông học hệ thống chữ viết này.

Theo người Hmông, quan hệ dòng họ Hmông cũng đang biến đổi theo hướng ngày càng trở nên kém bền chặt. Biểu hiện rõ nhất là sự phân chia, đối lập trong nội bộ các dòng họ và sự tính toán thực dụng trong quan hệ giúp đỡ lẫn nhau. Cụ thể, đó là sự phân chia và đối lập giữa những người theo “lý cũ” (*kev cai qub*) tức “lý thờ cúng ma nhà” (*kev cai dab qhuas*) hay cụ thể hơn là “lý làm cúng, làm ma” (*ua neeb, ua daaaj*) và một bộ phận người theo “lý mới” (*kev cai tshiab*) tức “lý cầu Vàng Trứ Giê su” (*ua Vajtswv Yexus*) hay lý của đạo Vàng Trứ Giê su “*Vajtswv Yexus*” mà thực chất là đạo Tin Lành (xem Nguyễn Văn Thắng, 2009). Nguyên cớ là những người theo “lý mới” không những bỏ hết việc làm cúng, làm ma theo “lý cũ” mà còn không tham dự các nghi lễ này do anh em bà con họ hàng còn giữ “lý cũ” tổ chức. Sự phân chia và đối lập đã dẫn tới những mâu thuẫn và phân biệt đối xử, thậm chí cả sự xung đột giữa bố mẹ, anh em, bà con trong nội bộ các gia đình và dòng họ. Thêm vào đó, là sự thực dụng của người Hmông trong việc giúp đỡ lẫn nhau. Bằng cứ là, thường những gia đình khó khăn, nghèo, ngày càng ít nhận được sự quan tâm, nhất là sự giúp đỡ vật chất của những người trong họ. Để giúp người Hmông loại bỏ sự

phân chia và đối lập bên trong nội bộ các dòng họ, cần tuyên truyền, vận động người Hmông cải đạo theo Tin Lành Hmông hóa đạo Tin Lành, tức làm cho đạo này thích nghi với xã hội và văn hóa riêng của người Hmông. Cụ thể, tuyên truyền, vận động để người Hmông theo “lý mới” thấy rõ hệ lụy của việc cải đạo của họ đối với xã hội và văn hóa Hmông, thuyết phục họ dù cải đạo vẫn nên thờ cúng tổ tiên và nên tham gia, kể cả tham gia ăn uống, và giúp đỡ anh em bà con họ hàng tổ chức các nghi lễ làm cúng, làm ma theo “lý cũ”. Đồng thời, cần khuyến khích người Hmông tăng cường quan tâm giúp đỡ lẫn nhau giữa những người trong họ, nhất là tranh thủ lợi thế mối quan hệ dòng họ để giúp nhau xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất kinh doanh... Thêm vào đó, cần hướng dẫn và khuyến khích đồng bào lập các cây phả hệ hay các website để kết nối bà con anh em họ hàng gần xa lại với nhau.

Cách làm cúng, làm ma của người Hmông cũng đang biến đổi theo hướng thu hẹp và đơn giản hóa. Cụ thể, đó là việc bỏ cách làm cúng, làm ma theo “lý cũ” của một bộ phận người Hmông theo “lý mới” và việc đơn giản hóa các nghi lễ làm cúng, làm ma của đa số người Hmông còn lại. Điều đáng lưu ý là, việc bỏ làm cúng, làm ma theo “lý cũ” của bộ phận người Hmông cải đạo theo Kitô giáo, nhất là theo Tin Lành, đã làm mất đi phương tiện tái sản xuất mối quan hệ dòng họ và văn hóa của người Hmông qua các thế hệ. Việc đơn giản hóa nghi lễ làm cúng, làm ma cũng đang làm giảm chức năng tái sản xuất mối quan hệ dòng họ và văn hóa của các nghi lễ này. Cụ thể, việc đơn giản hóa nghi lễ dẫn tới việc thu hẹp phạm vi và số lượng người tham dự các nghi

lễ. Để khắc phục tình trạng này, cần tuyên truyền, vận động để người Hmông hiểu rõ ý nghĩa và vai trò của các nghi lễ làm cúng, nhất là cúng ma tổ tiên và làm ma theo “lý cũ”.

Ngoài ra, cũng theo người Hmông, nhờ mở rộng mối quan hệ tiếp xúc, trao đổi hôn nhân và buôn bán với những người đồng tộc ở trong và ngoài nước, nhất là với người Hmông ở Nam Trung Quốc và Lào, họ đã biết tới các loại băng đĩa phim ảnh về lịch sử, xã hội và văn hóa Hmông/Miêu do người Hmông ở nước ngoài, nhất là ở Hoa Kỳ, sản xuất, phát hành. Một số người Hmông đã mua những băng đĩa này về xem như các băng đĩa phim có nhan đề “Chiếc trống máu”, “Lần tìm dấu vết con đường máu: lịch sử người Hmông ở Trung Quốc”, “Tám Hoàng đế”, “Nàng Yua Pa và bé mồ côi Jao Cua”... Thông qua việc xem các băng đĩa phim này, ý thức của người Hmông về nguồn gốc, lịch sử và văn hóa chung của họ được thức tỉnh, mối quan hệ tộc người của họ được mở rộng và tăng cường. Đặc biệt, người Hmông rất thích các phim video này vì chúng đều do người Hmông sản xuất, phát hành, lồng tiếng Hmông và có hiện CHLT. Chính vì vậy, người Hmông từ trẻ tới già ở một số làng bản, nhất là các làng bản giáp biên, thường tập trung nhau buổi tối để xem các băng đĩa phim tới tận khuya. Thực tế này gợi lên vấn đề là *nên khuyến khích và tạo điều kiện cho người Hmông ở Việt Nam sử dụng các phương tiện kỹ thuật nghe nhìn để lưu giữ và trao truyền văn hóa của họ*. Đặc biệt, ngành văn hóa thông tin ở các địa phương có đông người Hmông sinh sống, các viện nghiên cứu dân tộc học/nhân học và văn hóa nghệ thuật ở trung ương nên xem xét tới việc làm phim dân

tộc học/nhân học về lịch sử và văn hóa Hmông cho người Hmông.

Kết luận

Qua trình bày và phân tích ý kiến của người Hmông về “cái riêng” văn hóa mà “người ngoài” gọi là bản sắc và cách giữ gìn của họ, có thể thấy, “cái riêng” văn hóa của người Hmông được làm thành từ các yếu tố gồm ngôn ngữ, quan hệ dòng họ và cách làm cúng, làm ma. Các yếu tố này là do chính người Hmông lựa chọn và có giá trị như những dấu hiệu hay chỉ số chứng tỏ mối quan hệ nguồn gốc mà họ có chung với nhau; Việc lựa chọn các yếu tố làm thành “cái riêng” văn hóa của người Hmông có thể thay đổi theo thời gian tùy thuộc vào sự biến đổi của cơ sở kinh tế - xã hội và quyết định của họ; Các yếu tố làm thành “cái riêng” văn hóa của người Hmông không tự truyền lại qua các thế hệ như kiểu di truyền sinh học mà phải thông qua quá trình dạy và học; Chỉ có thể tạo điều kiện cho người Hmông giữ được “cái riêng” văn hóa của họ một cách bền vững khi có được sự hiểu biết thật sự sâu sắc về cái riêng văn hóa và cách giữ gìn của họ.

Tài liệu tham khảo

1. Cheung, Sui-Woo (1995), “Millenarianism, Christian Movements, And Ethnic Change Among The Miao in Southwest China”, trong: *Cultural Encounters on China's Ethnic Frontiers*, Ed., Stevan Harrell, University of Washington Press.
2. Diamond, Norma (1995), “Defining the Miao: Ming, Qing and Contemporary Views”, trong: *Cultural Encounters on*

China's Ethnic Frontiers, Ed., Stevan Harrell, University of Washington Press.

3. Falk, Catherine (2004), “Hmông Instructions to the Dead: What the Mouth Organ *Qeej* Says”, *Asian Folklore Studies*, Volume 63, Pp. 1-29.

4. Giàng Seo Gà (2005), *Tang ca (Kruôx cê) của người Hmông ở Sapa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

5. Lemoine, Jacques (transl. Kenneh White) (1983), *Kr'ua Ke - Showing the Way: A Hmông Initiation of the Dead*, Bangkok, Pandora.

6. Ruey Yih-Fu (1943), “Qha Ke”, trong: *Marriage and Mortuary Customs of the Magpie Miao of Southern Szechuan, China*, Academia Sinica: Institute of History and Philology, Monograph Series A, No. 23.

7. Tapp, Nicholas (1989), “Hmong Religion”, *Asian Folklore Studies*, No. 48, Pp. 59-64.

8. Tapp, Nicholas (2005), “A Visit to Vietnam”, *Journal of Asian Studies*, No. 2.

9. Tapp, Nicholas (2008), “Qha ke (Guiding the Way) from the Hmông Ntsu of China”, *Hmông Studies Journal*, Volume 9, Pp. 1-36.

10. Nguyễn Văn Thắng (2007), *Ambiguity of Identity: The Mieu in North Vietnam*, Silkwoom Books.

11. Nguyễn Văn Thắng (2009), *Giữ “lý cũ” hay theo “lý mới”? Bản chất của những cách phản ứng khác nhau của người Hmông ở Việt Nam với ảnh hưởng của đạo Tin Lành*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.



Đi làm nương
(Người Hmông ở huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên)

Ảnh: Thanh Thu